

BÀN VỀ NGHỆ THUẬT THƠ CA TRONG TÙY VIÊN THI THOẠI CỦA VIÊN MAI

Đỗ Thu Thủy

Khoa Ngữ văn, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế

Email: dothuy.dhkh@gmail.com

Ngày nhận bài: 27/8/2020; ngày hoàn thành phản biện: 10/12/2020; ngày duyệt đăng: 10/12/2020

TÓM TẮT

Viên Mai được xem là nhà lý luận phê bình tiên phong bày tỏ sự ngợi ca, ủng hộ con người cá nhân, cá tính trong thơ Trung Quốc. Trong lý luận thơ, Viên Mai luôn đề cao thuyết *tính linh*, nội hàm thuyết *tính linh* của ông mang một loạt những nhân tố mỹ học về thi ca như chủ quan sáng tác của thi nhân, quy luật cấu tứ nghệ thuật, tính đặc sắc của hình tượng nghệ thuật và nội dung biểu hiện của thi ca, đặc điểm nghệ thuật biểu hiện và chức năng thẩm mỹ của thi ca, mà phương diện chủ yếu trong đó vẫn là phải phù hợp với thực tế sáng tác. Trong sáng tác của mình, ông chú ý nhiều về sự đa dạng của đề tài và tạo nên dấu ấn, phong cách riêng cho thơ ca. Qua đó, chúng ta có thể hiểu sâu hơn các tác phẩm của Viên Mai cũng như các tác phẩm văn học trung đại ở Trung Quốc và Việt Nam.

Từ khóa: Thơ, *Tùy Viên thi thoại*, Viên Mai.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Viên Mai (1716 – 1798) tự là Tử Tài, hiệu là Giản Trai, người Tiền Đường, tỉnh Triết Giang. Ông làm quan dưới thời Càn Long, sau khi cáo quan thì cư ngụ dưới chân núi Tiểu Thương Sơn Tùy Viên, nên có hiệu là Tùy Viên tiên sinh. Viên Mai có viết văn, làm thơ, nhưng tên tuổi và ảnh hưởng của ông còn truyền đến hôm nay chủ yếu trong tư cách nhà lý luận và phê bình thơ, đặc biệt với tác phẩm *Tùy Viên thi thoại*. Thi thoại là loại sách tuyển thơ, bàn luận về thơ và phép làm thơ, nhưng quan trọng nhất là những câu chuyện đi cùng những câu thơ, bài thơ được tuyển. Viên Mai phân biệt thi thoại với thi tuyển như sau: “thi thoại không phải là thi tuyển; tuyển thì thơ hay là chọn, còn thi thoại thì trước phải có câu chuyện về thơ rồi mới chép thơ” [3, tr. 822]. Thi thoại đã phổ biến từ thời Tống, và theo giới nghiên cứu, Viên Mai là người đưa nó lên đỉnh cao với *Tùy Viên thi thoại*. Trong cuốn sách này, xuất phát từ hạt nhân là khái niệm “tính linh”, Viên Mai đã luận bàn một cách toàn diện các vấn đề của nghệ thuật thơ ca.

2. NỘI DUNG

Khái niệm “*tính linh*” đã xuất hiện trong *Vấn tâm điều long* của Lưu Hiệp và *Thi phẩm* của Chung Vinh, nhưng Viên Mai được đánh giá là người đã nâng tầm lý luận và khiến nó trở nên nổi tiếng. Về nội hàm khái niệm, theo Đoàn Lê Giang, “*tính*” là tính tình, tình cảm, “*linh*” là sự nhạy cảm, linh diệu [1]. Nguyễn Đình Phúc cũng cho rằng, thuyết *tính linh* của Viên Mai về cơ bản gồm hai phần: “một là nhắm đến biểu đạt tính tình, tức biểu đạt thế giới tình cảm chân thực của chủ thể; hai là nhắm đến linh cơ, tức cá tính đa dạng và bản năng trời cho của chủ thể” [8, tr. 95]. Phương Lựu trong cuốn *Tinh hoa lý luận văn học cổ điển Trung Hoa* khái quát thuyết *tính linh* của Viên Mai vào “*tính tình và linh cảm*”, đề cao “*chân và hoạt*” [4, tr. 162]. Nguyễn Khắc Phi trong cuốn *Thơ văn cổ Trung Hoa – mảnh đất quen mà lạ* thì khẳng định nội hàm của thuyết *tính linh* bao gồm ba nhân tố cơ bản là chân tình, cá tính và tài năng của nhà thơ [7,420]. Nguyễn Thanh Tùng trong bài “*Vài nét về thuyết tính linh trong tư tưởng thi học Việt Nam thời trung đại*” còn tóm lược một số ý kiến đáng chú ý về khái niệm tính linh [5, tr. 108]. Như quan niệm của Tiêu Hoa Vinh xem *tính linh* là sự kết hợp của hai từ “*tính tình*” và “*linh cơ*”. Chu Tác Kiệt lại hiểu: “*Hàm nghĩa cơ bản nhất của thuyết tính linh đại để không ngoài hai phương diện: tính tình phải thật, ngòi bút phải linh hoạt*”. Nguyễn Thanh Tùng đánh giá Viên Mai là người kế thừa và đưa thuyết *tính linh* phát triển đến độ hoàn thiện, và vì thế khiến nó phức tạp hơn trước. Trong *Tù Viên thi thoại*, những nội hàm trên của khái niệm *tính linh* được Viên Mai thể hiện tập trung trên các vấn đề chính yếu sau:

- Vấn đề tình cảm trong thơ;
- Vấn đề mối quan hệ giữa nội dung và hình thức của thơ;
- Vấn đề cá tính sáng tạo;
- Vấn đề tư chất và đào luyện.

Thứ nhất là tình cảm trong thơ. Viên Mai từng tuyên bố rằng, tôi thích nhất những sáng tác nói lên tình cảm, đọc nó lên như thể Hoàn Tử Đã nghe ca, ngạc nhiên thích thú làm sao! Tình cảm vừa là khởi điểm để có thơ, vừa là nội dung của thơ, đồng thời cũng là tiêu chí để xác định giá trị thơ.

Về loại tình cảm, tình cảm trong thơ phải là thứ tình cảm chân thực, phi vụ lợi. Không phải mẩu người thanh cao thì không có được thứ tình cảm này. Ông nói: “*Tình thì do trong lòng mà ra, không phải hạng người thanh cao, nhạy cảm thì không xúc động được, nên không tìm ra ý tứ cao đẹp*” [3, tr. 308]. Thơ hay là thứ thơ có thể thông qua cảm xúc để đánh động được lòng người: “*Thơ có thể thấm vào tim gan người ta là thơ hay rồi. Không cần phải do một nhà thơ lão luyện nào làm ra nó*” [3, tr. 740]. Viên Mai rất dị ứng kiểu người làm thơ vì danh. Ông không phủ định rằng thành tựu thi ca có thể mang tới danh tiếng cho nhà thơ, nhưng đó là cái đến sau, là yếu tố bên ngoài,

do người đọc quyết định. Nếu vì khoe tài, háo danh mà sáng tác thì chỉ tạo ra những câu chữ rườm rà, giả tạo: “Ba trăm thiên thơ *Kinh Thi* không rõ tên tác giả, là vì họ làm thơ cốt tả rõ hoài bão, không có ý lưu truyền tên tuổi, vì vậy tình cảm chân thực đáng yêu. Ngày nay người ta làm thơ là có ý cầu người ta biết mình có học vấn, có phương pháp, có nguồn gốc từ đâu. Vì vậy tình ý chân thực thì ít mà lời văn rườm rà thì nhiều” [3, tr. 337]. Không ngẫu nhiên khi Viên Mai ví xúc cảm của thi sĩ với sự hồn nhiên của trẻ thơ, hiểu theo nghĩa, thi sĩ là kẻ luôn thường trực những rung cảm chân thành trước hình ảnh cuộc sống, và có khả năng biểu hiện nó trong một cái nhìn tươi mới như lần đầu gặp gỡ.

Điều đặc biệt là, từ chỗ đề cao vai trò của tình cảm trong thơ, Viên Mai có xu hướng bổ sung thêm nét nghĩa mới cho khái niệm “chí” trong chức năng “thi ngôn chí”. Nội dung “chí” không chỉ bó gọn trong lí tưởng của người quân tử là “tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ”, mà còn bao gồm cả cái tình. Ông viết:

“Âu Vĩnh Hiếu ở Thường Châu đề tựa tập thơ của Giang Tân Cốc có câu: “... ba trăm thiên của *Kinh Thi* thì thơ Tụng không bằng thơ Nhã; thơ Nhã không bằng thơ Phong. Tại sao vậy? Vì thơ Tụng, thơ Nhã do bậc vương, công, hoàng hậu, đại phu gọt dũa nên. Loại thơ đó đều thuộc nhân lại, địa lại. Đến như thơ Quốc phong của mười lăm nước thì đều do người xa nhà nhớ vợ, kẻ lẻ bóng thương chồng, đứa trẻ thơ ca hát... buột miệng mà nên. Nó đều thuộc loại thiên lại”. Sách *Trang tử* 莊子 thiên “Tề vật luận” 齊物論 từng nói đến Nhân lại 人籟 tức “sáo người”, Thiên lại 天籟 tức “sáo trời” và Địa lại 地籟 tức “sáo đất”. Sách *Thượng thư* rằng: “Thơ để nói cái chí”. Sách *Sử kí* rằng: “Thơ để bày tỏ cái ý”. Vậy thì thơ Quốc phong thật đã bày tỏ được ý và chí vậy” [3, tr. 368].

Trong đoạn bình luận này, ông đặt thơ Phong cao hơn thơ Tụng và thơ Nhã, vì thơ Phong thuộc loại “thiên lại”, bắt nguồn từ thứ tình cảm tự nhiên, thiết tha, trong sáng “người xa nhà nhớ vợ, kẻ lẻ bóng thương chồng, đứa trẻ thơ ca hát...”. Quan trọng hơn, khi thể hiện được những tình cảm ấy, với Viên Mai, “thơ Quốc phong thật đã bày tỏ được ý và chí vậy”. Đáng chú ý là trong các loại tình, ông rất coi trọng tình cảm nam nữ. Đây quả là một lập trường vô cùng cấp tiến, khi mà đạo đức phong kiến vốn liệt tình yêu trai gái vào loại tà dâm.

Giữa thơ tả cảnh và thơ tả tình, Viên Mai trọng thơ tả tình, không chỉ bởi nó khó làm hơn thơ tả cảnh, mà còn vì “tả cảnh dù hay thì đọc qua rồi cũng dễ quên, còn tình mà chân thật thì thường lẫn khuất trong lòng người ta khiến khó quên” [3,905]. Bản thân thơ tả cảnh muốn hay, thì đằng sau cảnh vật được miêu tả phải ký thác một tâm tư, tình cảm nào đó. Xét về mặt thể loại, ý kiến này đã chạm đến vấn đề bản chất của thơ. Trong các thể loại, thơ là loại bộc lộ nhiều nhất cảm nhận chủ quan của chủ thể sáng tạo. Nên dù đối tượng của nó là cảnh vật, thì cũng không một cảnh vật nào

được miêu tả trong trạng thái chân không của cảm xúc. Dẫu vui hay buồn, cảnh chỉ đẹp qua ánh mắt tâm trạng của thi nhân.

Thứ hai là mối quan hệ giữa nội dung và hình thức thơ. Việc đề cao *Tính linh*, coi trọng tình cảm trong thơ đã chi phối trực tiếp đến quan niệm của Viên Mai về mối quan hệ giữa nội dung và hình thức. Tính tình, tình cảm là yếu tố thuộc về nội dung thường xuyên được ông luận bàn trong *Tỳ Viên thi thoại*. Nó không chỉ là khởi điểm, mà còn là nhiệm vụ biểu hiện của thơ. Thơ phải biểu đạt trung thực tình cảm, tính tình của chủ thể. Do vậy, trong tương quan giữa nội dung và hình thức, nội dung là cái có trước và quan trọng hơn. Hình thức phụ thuộc vào nội dung. Viên Mai rất tán thành với lời dạy của Sơ Bạch lão nhân: “Thơ mà đôn hậu là tại ý không do lời, thơ mà mạnh mẽ là tại khí lực chứ không phải tại câu, thơ là linh mẫn là tại tự nhiên không phải tại khéo léo” [3, tr. 265]. Trong câu nói này, “khí lực” và “linh mẫn” có lẽ đều thuộc về thiên chất, còn “ý” thuộc về nội dung. Cả ba yếu tố thuộc nội hàm của *Tính linh* đều được đề cao. Trong khi, “lời”, “câu” và “khéo léo” thuộc về hình thức, thủ pháp thì không được xem trọng bằng. Tương quan này càng rõ nét hơn khi ông trích dẫn đây tâm đắc lời của Ngô Tây Lâm: “Thơ lấy ý làm ông chủ, lấy lời làm tôi tớ” [3, tr. 802].

Không hề xem thường hình thức “Việc chọn chữ, đặt lời là khó” [3, tr. 417], nhưng với Viên Mai, ý nghĩa của hình thức chủ yếu ở chỗ nó có tác dụng trong việc chuyển tải nội dung hay không. Thơ khởi phát từ tình cảm tự nhiên, nên hình thức của nó cần thuận theo cảm xúc, không nên câu nệ, cố trau chuốt để trở thành giả tạo, gò bó, ảnh hưởng đến tính sinh động, chân thật của thơ. Vì lẽ ấy, ông cực lực phản đối thuyết *Cách điệu* của Thẩm Đức Tiềm và thuyết *Cơ lý* của Ông Phương Cương, những học thuyết nhấn mạnh về hình thức và có xu hướng nhồi nhét tri thức, học vắn vào nội dung thơ.

Về thuyết *Cách điệu*, ông dẫn lời của Dương Thành Trai để dẫn dắt luận điểm của mình: Dương Thành Trai có nói: “Xưa nay, những người thiên tính tầm thường bàn thơ chỉ nói đến cách thể, thanh điệu, mà không nêu ra được phần ý vị thanh cao là bởi sao vậy? – Xin thưa, cách thể thanh điệu chỉ là cái khung, kẻ ngâm nga có nhịp điệu thường dễ bắt chước được. Đến phần ý vị thanh cao là điểm tế nhị của tâm hồn nếu không là bậc thiên tài khó mà nhận thấy”.

Tôi thấy câu này thật chí lý. Nên hiểu rằng, có tính tình thì sẽ có cách thức, thanh luật. Cách thức, thanh luật không ngoài phần tính tình. Ba trăm thiên thơ *Kinh thi*, thì quá nửa là lời kẻ xa nhà nhớ quê; kẻ mong chồng đi xa làm việc nước. Những thơ đó có cách thức, luật thể gì thế, mà ngày nay những người hay bàn về cách thức, thanh luật nào ai đã ra khỏi được khuôn khổ ấy? Thêm nữa, điệu ca của Cao Dao, Điệu Vũ không giống điệu thơ của *Kinh Thi*, thể thơ Quốc phong cũng khác thể thơ Nhã, Tụng. Như vậy, cách điệu có thể nhất định sao được?” [3, tr. 19].

Cần khẳng định ngay rằng, vì chủ trương thơ là sự tuôn chảy của cảm xúc tự nhiên, chân thành, nên Viên Mai vốn không thích loại thơ cách điệu nghiêm ngặt: “Từ khi có cách luật nghiêm ngặt về thơ thì phạm vi của thơ hẹp lại. Nghị luận sinh ra nhiều mà tính tình nhạt nhẽo đi vậy” [3, tr. 684]. Vì thế, ông lại càng phản ứng mạnh mẽ việc thu hẹp giá trị thơ ca vào cách điệu, cũng như việc vận dụng cứng nhắc cách điệu, làm hao tổn sự thăng hoa, bay bổng tự nhiên của thơ. Vận dụng như thế chẳng khác gì chủ thể sáng tạo đang vùi trong một cái lồng. Viên Mai kêu gọi một sự vận dụng linh hoạt theo quy luật hô ứng giữa nội dung và hình thức. Cách thức, thanh luật được gọi lên bởi tính tình, cảm xúc.

Về thuyết *Cơ lý* của Ông Phương Cương, một trong những biểu hiện hay bị Viên Mai đả kích là việc lạm dụng điển cố, điển tích: “Mỗi khi tôi làm thơ vịnh cổ tích hay vịnh cảnh vật, thường tìm các sách có tài liệu liên can đến vấn đề ấy mà đọc. Nhưng đến lúc thơ thành thường không dùng một điển nào. Các bậc thi nhân thường nói: “Người làm thơ biết nhiều điển mà không dùng, khác nào kẻ có quyền thế mà không cậy vậy”” [3, tr. 43]. Như vậy, không chỉ hình thức thơ, mà ngay cả học vấn, tri thức cũng cần được thâm nạp và chuyển hóa vào thơ ở một trạng thái cực kì tinh tế.

Để hình thức hài hòa tối đa với nội dung của thơ, Viên Mai đòi hỏi sự dụng công to lớn của người sáng tác. Nhà thơ cần rèn luyện bút pháp đến cảnh giới tự nhiên như hơi thở, hay nói như Trang Tử là “không nghĩ đến chân thì bước sẽ nhẹ nhõm” [?]. Học làm thơ, cũng như học viết, nên bắt đầu từ những thể thức, thể loại đơn giản rồi mới đến cái phức tạp; nên học từ gốc đến ngọn; nên học rộng để tiếp thu tinh hoa vạn nhà chứ không nên giới hạn ở một vài danh gia để rồi thấy cây mà không thấy rừng; nên ngao du sơn thủy, kết giao rộng rãi để hun đúc khí chất, để thông tỏ cái hay cái đẹp của thiên hạ và không tự biến mình thành ếch ngồi đáy giếng... Ông chia thơ thành hạng đại gia và danh gia: “Đại gia thì dùng chữ một cách phóng túng, còn danh gia thì công phu chọn chữ, sửa câu tỉ mỉ” [3, tr. 48]. Người làm thơ nên cố gắng để thành danh gia, để người đời sau tôn mình vào hạng đại gia - chứ không nên tự xem mình là hạng đại gia, để rồi bị đời sau cho ra ngoài cả hạng danh gia. Nghĩa là càng lão luyện thì càng phải công phu trên từng con chữ.

Nhiều chuẩn mực về hình thức thơ được Viên Mai nêu ra, cho đến nay, vẫn còn nguyên giá trị. Về dung lượng thơ, ông nhắc chuyện Tống Tử Kinh sửa lại sách Đường thư, cố ý làm ngắn gọn đến nỗi cắt câu bớt chữ một cách ép uống, gàn như văn lí không thông, từ đó khuyến cáo người viết không nên khiên cưỡng dài hay ngắn, mà nên tương thích với ý và tình. Về giọng thơ, Viên Mai không phân chia thứ bậc giữa các loại giọng, vì mỗi loại giọng đều giá trị riêng: “Lấy một vật làm thí dụ, như con dao: đằng gọng cần dầy, đằng lưỡi cần mỏng. Như vậy không thể nhất định là dầy hay mỏng là quý được” [3, tr. 217]. Điều quan trọng là giọng thơ cần phải đạt đến sự “nhập diệu”, nghĩa là nó phải làm bật lên được *Tinh linh* của tác giả. Về thủ pháp thơ, ông kế thừa thi pháp truyền thống với quan niệm: “Làm thơ về đề tài nào mà không nói rõ

được đề tài ấy ra, thì lại càng không phải là thi nhân. Vậy chỗ kì diệu là phô diễn được đề tài bằng cách bóng bẩy kín đáo, nắm được tinh thần của đề, khiến lời thơ không cần nói thẳng mà đề tài tự hiện ra” [3, tr. 73].

Viên Mai không thoát ra khỏi hạn chế của lý luận văn học cổ điển phương Đông, khi ông nhấn mạnh ý nghĩa quyết định của nội dung đối với hình thức. Hình thức vẫn thuần túy là phương tiện truyền tải và lệ thuộc vào nội dung. Đến thế kỷ XX, lý luận văn học hiện đại có bước tiến dài khi thấy được bản chất thống nhất không thể tách rời giữa nội dung và hình thức. Hình thức không phụ thuộc nội dung, mà ít nhất nó cũng có vị trí tương đương với nội dung.

Thứ ba là cá tính sáng tạo. Trong *Tùy Viên thi thoại*, từ “tính tình” xuất hiện rất nhiều. Theo chúng tôi, nó thường trực hai nét nghĩa: cá tính và tình cảm. Chẳng hạn, khi Viên Mai nói: “Về lộng lẫy của người đẹp có thể bổ dưỡng cho mắt; câu thơ của người thơ (người thơ ở đây muốn chỉ không phải “thợ thơ”) có thể bổ dưỡng cho tim. Từ khi có cách luật nghiêm ngặt về thơ thì phạm vi của thơ hẹp lại. Nghị luận sinh ra nhiều mà tính tình nhạt nhẽo đi vậy” [3, tr. 684], thì “tính tình” có thể được hiểu bao gồm cả hai nét nghĩa trên. Cá tính được phát lộ qua thơ chính là một trong những biểu hiện quan trọng của *Tính linh*.

Viên Mai viết: “Còn đến như làm thơ thì sẽ cần có cái “ta”. Không có cái “ta” trong thơ thì thành ra lời lẽ phô diễn, góp nhặt hết cả của người. Hàn Xương Lê chủ trương rằng, lời lẽ không xu phụ theo ai, phải do chính mình làm ra (duy cổ u từ, tất ký xuất). Tổ Oánh đời Bắc Ngụy có nói: “Văn chương phải do tự mình sắp xếp đặt ra mới có phong cốt đặc biệt riêng của một nhà thơ văn. Không thể gửi mình dưới hàng rào người ta được”” [3, tr. 331].

Cá tính có gốc từ khí chất, cốt cách của thi sĩ, và thông qua tài năng, nó đi vào thi giới. Biểu hiện trước hết của nó là ý thức muốn tạo ra cái mới, cái riêng của chủ thể sáng tác. Viên Mai thường miệt thị loại người chỉ học theo tiền nhân mà không xác lập được cá tính sáng tạo của mình. Ông dẫn lại câu nói của Dương Thăng Am: “Thơ đến Đỗ Phủ là cực thịnh, nhưng đạo làm thơ cũng suy bại đi từ Đỗ Phủ. Lý học đến Trình Tử, Chu Tử là rất rõ ràng, nhưng lý học cũng đi từ Trình, Chu vậy. Không phải lỗi tại Đỗ Phủ hoặc Trình Tử, Chu Tử, mà ở những kẻ đã quá tôn sùng Đỗ Phủ và Trình, Chu vậy” [715]. Những tên tuổi bất hủ như Đỗ Phủ hay được hậu nhân sùng bái, và vì quá sùng bái, thơ văn của họ trở thành khuôn vàng thước ngọc để phỏng theo. Điều này đi ngược với bản chất của văn chương là dòng chảy sáng tạo không ngừng. Lục Du khẳng định: “Văn chương rất kì có liên quan đến những câu thơ cũ đã chết”. Hoàng Đình Kiên cũng đồng thuận: “Văn chương rất kì theo sau người ta”.

Viên Mai không phủ nhận sự cần thiết học tập thành tựu nghệ thuật của người đi trước, nhưng chỉ nên hấp thu cái tinh thần để rồi như con tầm nhá tơ, con ong làm mật, chứ không nên ngấu nghiến, máy móc để rồi biến cái tinh hoa thành cái cặn bã:

“Người đời sau phải học cổ nhân rồi mới làm được thơ hay. Nhưng người khéo học thì ví như được cá rồi quên cái đó. Kẻ vụng học thì ví như khắc vào mạn thuyền mà tìm thanh kiếm lúc ngồi trên thuyền đánh rơi xuống sông” [3, tr. 157]. Người khéo học thì kiến tạo được cá tính, phong cách. Người vụng học thì trở thành bắt chước, mãi mãi theo sau cái bóng người ta.

Có lẽ đây là một trong những lý do khiến Viên Mai luôn từ chối phân định cao thấp giữa các thi phái, giữa các thời đại thi ca: “Đời Minh, thói chia môn phái rất thịnh, chẳng những ở triều đình mà cả trong giới văn học cũng vậy. Lúc văn học đang thịnh các họ Cao, Dương, Trương, Từ, mỗi nhà nêu lên một tôn chỉ, nhưng không có môn phái. Truyền một lần nữa thì nảy ra phái Thất Tử, kế tiếp đến lần sau thì nảy ra phái Chung, Đàm; phái Công An. Tiếp đến lần ba thì nảy ra phái Ngũ Sơn. Những phái nay cứ vu không, công kích, bài bác, cãi nhau. Mỗi môn phái nêu ra một quan niệm về văn chương, xem thật tức cười! Tôi nghĩ rằng, người ta ai cũng có điểm đúng, điểm sai. Vậy cần bình tĩnh suy xét, nhận lấy phần đúng, bỏ phần sai [3, tr. 20].

Khi đặt một thi phái hay một thời đại nào đó lên đỉnh cao nhất, nghĩa là ta đang biến nó trở thành khuôn mẫu hoàn mỹ để cố gắng mô phỏng và không bao giờ có thể vượt qua. Nhưng với Viên Mai, mọi thi phái và thời đại đều có khả thủ và hạn chế, mọi danh gia đều có sở trường và sở đoản. Thi sĩ kiệt xuất là người đưa sở trường của thi phái mình đi xa hơn cả. Do đó, người làm thơ cần học hỏi những phương diện khả thủ, tránh những phương diện hạn chế của người khác để phát huy sở trường bản thân, khai phóng cá tính sáng tạo của mình. Luận điểm này của Viên Mai đã đã động đến vấn đề rất cơ bản của thể loại, đó là sự song hành giữa kế thừa và cách tân trong tiến trình thể loại.

Thứ tư là vấn đề tư chất và đào luyện. Tư chất, thứ được biểu hiện trước hết qua sự nhạy cảm, tinh tế của tâm hồn, là một trong những yếu tố thuộc nội hàm của *Tính linh*. Trong *Tùy Viên thi thoại*, nó tỏ ra là vấn đề được Viên Mai quan tâm và bình luận sâu sắc.

Giữa tư chất và đào luyện, tư chất mới là điều kiện tiên quyết cho sáng tác văn chương: “Thơ văn sáng tác toàn cậy ở thiên tài đặc biệt, kẻ thông minh chỉ điểm một lần là hiểu” [3, tr. 661]. Tuy nhiên, thiên khiếu không qua rèn luyện thì chỉ ở lại dạng tiềm năng, rất khó phát triển để trở thành một kết tinh nghệ thuật có giá trị. Viên Mai viết: “Nghề thơ chỉ là một kỹ thuật nhỏ, nhưng cũng cần phải tập luyện từ thời thơ ấu mới thành tài được” [3, tr. 100]. Chỗ khác, ông ví von: “Có sợi tơ, gai là có lụa, có vải xô tốt, nhưng cũng cần phải tốn công kéo sợi, xe tơ mới thành được. Đồng ở núi Xích Cẩn là đồng tốt nhưng cũng cần gạn lọc nhiều lần mới thành được đồng tốt [3, tr. 74]. Ngay cả những cây bút đã được khẳng định, ta vẫn có thể tìm thấy ở họ những hạn chế do thiếu đầu tư rèn luyện. Viên Mai lấy trường hợp Tô Đông Pha làm ví dụ: “Thơ cận thể của Tô Đông Pha thiếu công đào luyện; cho nên đọc xong câu thơ thì ý vị cũng hết” [3,

tr. 384]. Ông chủ trương, người làm thơ, dấu ý thức được tài năng của mình, cùng luôn cần giữ một thái độ chuẩn mực, cần trọng trong lao động nghệ thuật. Viên Mai xác định phạm vi chi phối của thiên tư và rèn luyện trong thành quả nghệ thuật như sau: “Làm thơ cũng như việc bắn, một đề tài đến tay cũng như sự bắn đã có đích. Kẻ biết bắn thì chỉ một phát tên là trúng, kẻ không biết bắn thì hàng trăm mũi tên vẫn trượt. Kẻ biết bắn mà tinh xảo thì trúng ngay giữa đích, kẻ kém hơn một chút thì bắn trúng bên cạnh đích. Kẻ kém nữa thì bắn trúng cách đích không bao xa. Còn kẻ thật kém thì bắn bừa bãi; bắn trúng hay không trúng không ngoài bốn chữ: thiên tài và học lực. Mạnh Tử có nói: “Đến được là do sức của mày, còn trúng đích thì không phải do sức mày”. Bắn được mũi tên đến nơi là do sức luyện tập, trúng đích lại do tiên phận (thiên tài)” [3, tr. 834].

Quan niệm của Viên Mai về tư chất và đào luyện trong hoạt động thơ ca, theo chúng tôi, có thể xem là chân lý.

Ngoài bốn vấn đề chính yếu trên, Viên Mai còn đề xuất nhiều ý kiến giá trị. Có ý kiến tiếp thu từ một số truyền thống lý luận văn học cổ điển, có ý kiến lại rất gần với những thành tựu của tư duy lý luận văn học hiện đại, như thừa nhận tính hư cấu, tính đa nghĩa của văn bản nghệ thuật; thừa nhận ý nghĩa của nữ giới và thơ nữ trong đời sống thi ca; nhìn nhận đúng đắn về vai trò và hạn chế của người đọc trong việc định vị và lưu truyền văn chương; phủ định quan niệm về phong cách rất phổ biến lúc bấy giờ: văn là người...

3. KẾT LUẬN

Tùy Viên thi thoại có phạm vi bao quát khá rộng đối với các phương diện nghệ thuật của thơ ca (hiểu theo nghĩa hẹp). Nhưng dựa trên mật độ tập trung của ông trên bốn vấn đề chính yếu là tình cảm trong thơ, mối quan hệ giữa nội dung và hình thức của thơ, cá tính sáng tạo và tư chất - đào luyện, dễ dàng nhận thấy tác phẩm chính là sự diễn dịch thuyết *Tính linh* do chính ông khởi xướng và cổ vũ. Bên cạnh một số hạn chế khó tránh khỏi mang tính thời đại, quan niệm về thơ của Viên Mai đã chứa đựng nhiều hạt nhân tích cực, thậm chí vượt thời đại. Ảnh hưởng của nó đối với lý luận và thực tiễn văn học cho đến nay vẫn chưa dừng lại, và không chỉ bó hẹp trong phạm vi các nước ảnh hưởng văn hóa Hán. *Tùy Viên thi thoại* xứng đáng là một trong những thành tựu làm rạng danh nền lý luận văn học cổ điển phương Đông.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Đoàn Lê Giang (2001). *Tư tưởng lý luận văn học cổ điển Trung Quốc – lịch sử và tư liệu* (Lưu hành nội bộ), thành phố Hồ Chí Minh.

- [2]. Vương Vận Hy, Cổ Dịch Sinh (2003). “Viên Mai bàn về thơ”, Đoàn Lê Giang dịch, *Tạp chí Văn học*, số 4, tr. 53 – 64.
- [3]. Viên Mai (2002). *Tùy Viên thi thoại*, Trương Đình Chi dịch, NXB Văn nghệ, thành phố Hồ Chí Minh.
- [4]. Phương Lưu (1989). *Tinh hoa lý luận văn học cổ điển Trung Hoa*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [5]. Nguyễn Thanh Tùng (2008). Vài nét về thuyết tính linh trong tư tưởng thi học Việt Nam thời trung đại, *Tạp chí Nghiên cứu văn học*, số 1, tr. 108 – 115.
- [6]. Nguyễn Thanh Tùng (2010). Thăng Long - Hà Nội với sự tiếp nhận và truyền bá tư tưởng thi học mới từ Trung Hoa: trường hợp thuyết tính linh (cuối thế kỉ XVIII – đầu thế kỉ XX), Website: http://www.khoavanhoc-ngonngu.edu.vn/home/index.php?option=com_content&view=article&id=1270:thng-long-ha-ni-vi-s-tip-nhn-va-truyn-ba-t-tng-thi-hc-mi-t-trung-hoa-trng-hp-thuyt-tinh-linh-cui-th-k-xviii-u-th-k-xx&catid=113:ht-vn-hc-pht-giao-vi-1000-nm-thng-long&Itemid=181
- [7]. Nguyễn Khắc Phi (1998). *Thơ văn cổ Trung Hoa – mảnh đất quen mà lạ*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [8]. Nguyễn Đình Phúc (2014). So sánh quá trình tiếp nhận thuyết Tính linh của Viên Mai ở Nhật Bản và Việt Nam, Website: <http://nvtq.hcmussh.edu.vn/?ArticleId=d5350d89-74eb-4cf6-8265-edfdf9b90ad6>
- [9]. Nguyễn Đình Phúc (2014). So sánh quá trình tiếp nhận thuyết Tính linh của Viên Mai ở Hàn Quốc và Việt Nam, *Tạp chí Nghiên cứu văn học*, số 1, tr. 93 – 109.

THE POETIC ART IN *TUY VIEN THI THOAI* BY VIEN MAI

Do Thu Thuy

Faculty of Literature and Linguistics, University of Sciences, Hue University

Email: dothuy.dhkh@gmail.com

ABSTRACT

Vien Mai is considered as a pioneering critical theorist in expressing praise and support for the individual and individuality in Chinese poetry. In his theory of poetry, Vien Mai always tends to emphasize spirituality theory. The connotation of his spirituality theory has a series of aesthetic elements about poetry, such as the poet's subjective composition, the law of art quartet, the specificity of the artistic image and content expression; the artistic characteristics and the aesthetic function of the poetry, the main aspect of which is still consistent with the actual composition. In his writing, he paid much attention to the diversification of themes and created his mark and style for poetry. Thereby, it can find a deeper understanding of the works by Vien Mai as well as other works of medieval literature in China and Vietnam.

Keywords: Poetry, Tuy Vien thi thoai (Tuy Vien Speech contest), Vien Mai.



Đỗ Thu Thủy sinh ngày 19/5/1974 tại Hà Nội. Năm 1996, bà tốt nghiệp cử nhân Ngữ văn tại Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế. Năm 2001, bà tốt nghiệp Thạc sĩ chuyên ngành Văn học nước ngoài tại Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế. Từ năm 1996 đến nay, bà giảng dạy tại Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế.

Lĩnh vực nghiên cứu: Văn học Trung Quốc, Văn học Đông Nam Á.